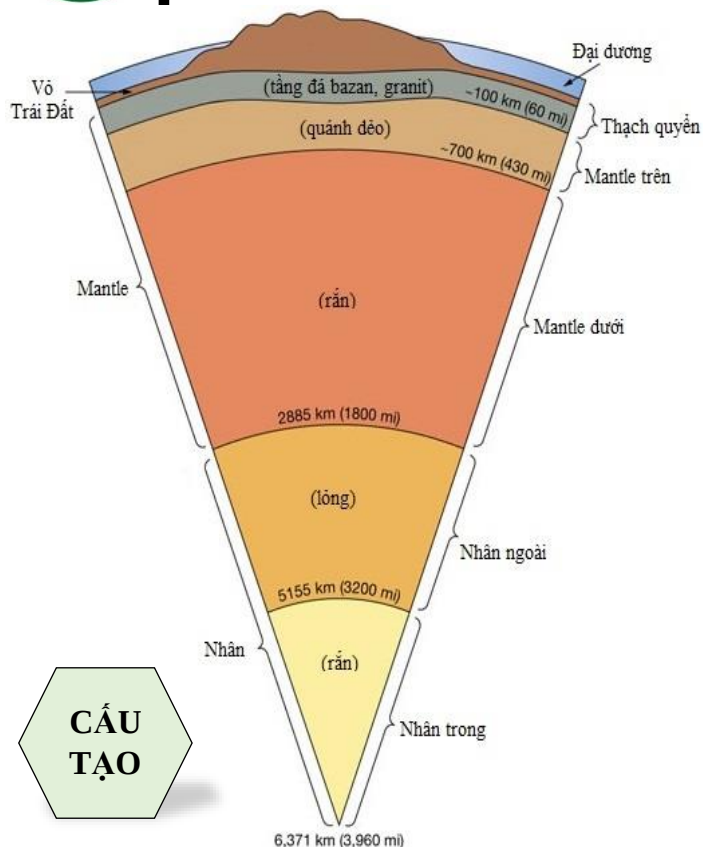


Bài 7



CẤU TRÚC CỦA TRÁI ĐẤT. THẠCH QUYỂN. THUYẾT KIẾN TẠO MẢNG



CẤU TẠO

Vỏ Trái Đất

- Là lớp vỏ cứng, mỏng, dày từ 5 km (đại dương) đến 70 km (lục địa).
- Gồm 3 tầng:
 - + Tầng trầm tích: vụn, nhỏ, phân bố không đều.
 - + Tầng granit: gồm đá granit và các loại đá nhẹ → nền của các lục địa.
 - + Tầng bazan: gồm đá bazan và các loại đá nặng.

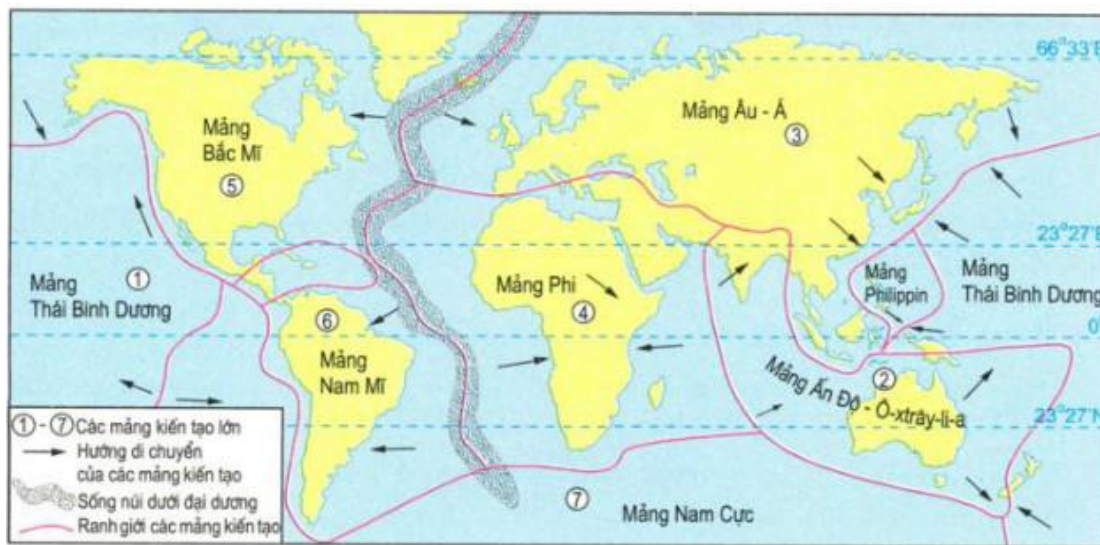
Thạch quyển là phần vỏ Trái Đất và phần trên của lớp Manti.

Lớp Mantle (Manti)

- Lớp trung gian, chiếm 80% thể tích và 68,5% khối lượng của Trái Đất.
- Gồm: manti trên và manti dưới.

Nhân Trái Đất

- Phần trong cùng, dày khoảng 3470 km.
- Gồm: nhân ngoài và nhân trong.



THUYẾT KIẾN TẠO MẢNG

- Thạch quyển bao gồm các mảng kiến tạo.
- Gồm các bộ phận trên bề mặt và dưới đáy đại dương.
- Các mảng kiến tạo nhẹ, nổi và dịch chuyển trên lớp quánh dẻo của tầng manti trên.

- Khi dịch chuyển, các mảng có thể tách nhau ra (tạo sóng núi ngầm dưới đại dương), xô vào nhau hoặc hút chìm lên nhau (tạo đảo núi lửa, các dãy núi).
- Cơ chế: do sự đối lưu vật chất của lớp Manti

Vùng tiếp xúc giữa các mảng kiến tạo thường là vùng bất ổn của vỏ Trái Đất, hay xảy ra **động đất, núi lửa**.



Câu 1. Cấu trúc của Trái Đất gồm các lớp sau

- A. vỏ đại dương, lớp manti, nhân Trái Đất. B. vỏ Trái Đất, lớp manti, nhân Trái Đất.
C. vỏ lục địa, lớp manti, nhân Trái Đất. D. vỏ đại dương, manti trên, nhân Trái Đất.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với lớp vỏ Trái Đất?

- A. Vỏ cứng, mỏng, độ dày ở đại dương khoảng 5 km.
B. Dày không đều, cấu tạo bởi các tầng đá khác nhau.
C. Trên cùng là đá bazan, dưới cùng là đá trầm tích.
D. Giới hạn vỏ Trái Đất không trùng với thạch quyển.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với lớp manti trên?

- A. Không lỏng mà ở trạng thái quánh dẻo. B. Hợp với vỏ Trái Đất thành lớp vỏ cứng.
C. Cùng với vỏ Trái Đất thành thạch quyển. D. Có vị trí ở độ sâu từ 700 đến 2.900km.

Câu 4. Đặc điểm của lớp manti dưới là gì?

- A. Không lỏng mà ở trạng thái quánh dẻo. B. Hợp với vỏ Trái Đất thành lớp vỏ cứng.
C. Cùng với vỏ Trái Đất thành thạch quyển. D. Có vị trí ở độ sâu từ 700 đến 2.900km.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây đúng với lớp manti dưới?

- A. Vật chất không lỏng mà ở trạng thái rắn. B. Hợp với vỏ Trái Đất thành lớp vỏ cứng.
C. Cùng với vỏ Trái Đất thành thạch quyển. D. Có vị trí ở độ sâu từ 2.900 đến 5.100km.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với nhân ngoài Trái Đất?

- A. Nhiệt độ rất cao. B. Áp suất rất lớn. C. Vật chất rắn. D. Nhiều Ni, Fe.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với nhân trong Trái Đất?

- A. Nhiệt độ rất cao. B. Áp suất rất lớn. C. Vật chất lỏng. D. Nhiều Ni, Fe.

Câu 8. Thạch quyển được hợp thành bởi lớp vỏ Trái Đất và

- A. phần trên của lớp manti. B. phần dưới của lớp manti.
C. nhân ngoài của Trái Đất. D. nhân trong của Trái Đất.

Câu 9. Mảng kiến tạo không phải là

- A. bộ phận lục địa nổi trên bề mặt Trái Đất. B. những bộ phận lớn của đáy đại dương.
C. luôn luôn đứng yên không di chuyển. D. chìm sâu mà nổi ở phần trên lớp manti.

Câu 10. Ở vùng tiếp xúc của các mảng kiến tạo không bao giờ

- A. xảy ra các loại hoạt động kiến tạo. B. là những vùng ổn định của vỏ Trái Đất.
C. có nhiều hoạt động núi lửa, động đất. D. có những sông núi ngầm ở đại dương.

Củng cố

.....

.....

.....

.....

Bài 8



TÁC ĐỘNG CỦA NỘI LỰC ĐẾN ĐỊA HÌNH BỀ MẶT TRÁI ĐẤT

KHÁI NIỆM

- Là lực phát sinh từ **bên trong lòng đất**.
- Nguồn năng lượng chủ yếu: phân hủy chất phóng xạ, phản ứng hóa học, đối lưu vật chất...

TÁC ĐỘNG

Vận động theo phương thẳng đứng

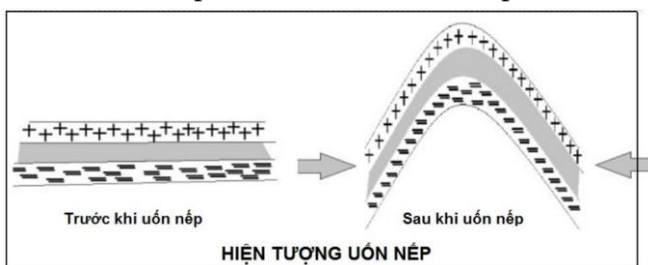
- Xảy ra chậm, diện tích lớn → bề mặt Trái Đất được **nâng lên, hạ xuống** → hiện tượng biến tiến, biến thoái.
- Hiện tượng này vẫn tiếp tục xảy ra.

Vận động theo phương nằm ngang

Nén, ép vỏ Trái Đất → hiện tượng uốn nếp, đứt gãy.

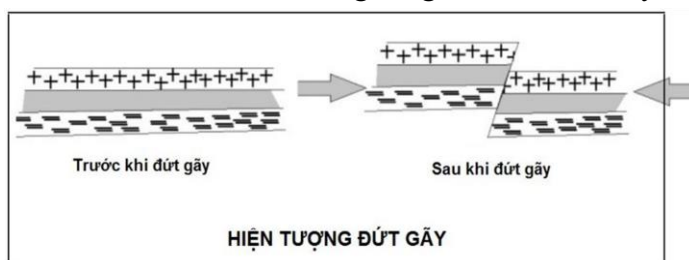
Uốn nếp

- Xảy ra ở vùng đá mềm.
- Đá bị uốn thành nếp nhưng không phá vỡ tính liên tục của đá.
- Tạo thành nếp uốn, miền núi uốn nếp.



Đứt gãy

- Xảy ra ở vùng đá cứng.
- Đá bị gãy, đứt ra và dịch chuyển theo hướng ngược chiều nhau.
- Tạo thành hẻm vực, thung lũng, địa hào, địa lũy.



Bài 9



TÁC ĐỘNG CỦA NGOẠI LỰC ĐẾN ĐỊA HÌNH BỀ MẶT TRÁI ĐẤT

KHÁI NIỆM

- Là lực phát sinh từ bên ngoài, trên bề mặt Trái Đất.
- Nguồn năng lượng chủ yếu là **bức xạ Mặt Trời**.
- Tác nhân chủ yếu: khí hậu, các dạng nước, sinh vật và con người.

PHONG HÓA

Là quá trình **phá hủy** và làm biến đổi các loại đá và khoáng vật do tác động của nhiệt độ, nước, chất khí, các loại axit hữu cơ trong tự nhiên và sinh vật.

Phong hóa lí học:

- Phá hủy đá thành các khối kích thước khác nhau mà không làm thay đổi màu sắc, cấu trúc của chúng.
- Nhiệt độ, nước đóng băng, gió, sóng...

Phong hóa hóa học:

- Phá hủy đá, khoáng vật, làm biến đổi thành phần, cấu trúc của chúng.
- Nước và các chất hòa tan trong nước.

Phong hóa sinh học:

- Phá hủy cả về mặt cơ giới và tính chất hóa học của đá và khoáng vật dưới tác động của sinh vật.

BÓC MÒN

- Là quá trình làm cho các sản phẩm phong hóa bị **dời khỏi vị trí ban đầu**.
- Gồm có xâm thực, mài mòn, thổi mòn...
- Do sự va đập của gió, sóng, nước chảy, hoạt động sản xuất của con người.

- Là quá trình **di chuyển** vật liệu từ nơi này tới nơi khác.
- Khoảng cách di chuyển phụ thuộc vào động năng, kích thước và trọng lượng vật liệu, điều kiện mặt đệm.

VẬN CHUYỂN

BỒI TỤ

- Là quá trình **tích tụ** vật liệu phong hóa.
- Quá trình bồi tụ phụ thuộc vào động năng của ngoại lực.

- Nội lực và ngoại lực là hai lực đối nghịch nhau.
 - + Nội lực có xu hướng làm cho bề mặt Trái Đất gồ ghề.
 - + Ngoại lực lại có xu hướng san bằng những gồ ghề đó.
- Nội lực và ngoại lực luôn tác động đồng thời để tạo nên các dạng địa hình trên bề mặt Trái Đất.

Câu 1. Nội lực là lực phát sinh từ

- A.** bên trong Trái Đất. **B.** bên ngoài Trái Đất.
C. bức xạ của Mặt Trời. **D.** nhân của Trái Đất.

Câu 2. Sông nào sau đây ở Việt Nam chảy trên một đứt gãy kiến tạo?

- A.** Sông Hồng. **B.** Sông Cả. **C.** Sông Thu Bồn. **D.** Sông Đồng Nai.

Câu 3. Biểu hiện nào sau đây không phải là do tác động của nội lực?

- A.** Lục địa được nâng lên hay hạ xuống. **B.** Các lớp đất đá bị uốn nếp hay đứt gãy.
C. Đá nứt vỡ do nhiệt độ thay đổi đột ngột. **D.** Sinh ra hiện tượng động đất, núi lửa.

Câu 4. Vận động nội lực theo phương nằm ngang thường

- A.** xảy ra chậm và trên một diện tích lớn. **B.** vẫn tiếp tục xảy ra ở nhiều nơi hiện nay.
C. làm cho lục địa nâng lên hay hạ xuống. **D.** gây ra các hiện tượng uốn nếp, đứt gãy.

Câu 5. Địa lũy thường được sinh ra trong điều kiện các lớp đá

- A.** trôi lên. **B.** sụt xuống. **C.** uốn nếp. **D.** xô lệch.

Câu 6. Biểu hiện nào sau đây là kết quả của vận động nội lực theo phương thẳng đứng?

- A.** Núi uốn nếp. **B.** Các địa lũy. **C.** Các địa hào. **D.** Lục địa nâng.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vận động nội lực theo phương nằm ngang?

- A.** Tạo nên những nơi núi uốn nếp. **B.** Sinh ra những địa lũy, địa hào.
C. Các lục địa nâng lên, hạ xuống. **D.** Có hiện tượng động đất, núi lửa.

Câu 8. Các lớp đá bị đứt gãy trong điều kiện vận động kiến tạo theo phương

- A.** ngang ở vùng đá cứng. **B.** ngang ở vùng đá mềm.
C. đứng ở vùng đá mềm. **D.** đứng ở vùng đá cứng.

Câu 9. Tác động nào sau đây làm cho biến tiến và biến thoái?

- A.** Lục địa nâng lên, hạ xuống. **B.** Các lớp đá mềm bị uốn nếp.
C. Cả lớp đá cứng bị đứt gãy. **D.** Động đất, núi lửa hoạt động.

Câu 10. Vận động kiến tạo theo phương thẳng đứng xảy ra không phải do nguồn năng lượng của

- A.** sự phân huỷ các chất phóng xạ. **B.** sự dịch chuyển các dòng vật chất.
C. các phản ứng hoá học khác nhau. **D.** bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất.

Câu 11. Nguồn năng lượng sinh ra ngoại lực chủ yếu là của

- A.** sự phân huỷ các chất phóng xạ. **B.** sự dịch chuyển các dòng vật chất.
C. các phản ứng hoá học khác nhau. **D.** bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất.

Câu 12. Biểu hiện nào sau đây là do tác động của ngoại lực tạo nên?

- A.** Lục địa được nâng lên hay hạ xuống. **B.** Các lớp đất đá bị uốn nếp hay đứt gãy.
C. Đá nứt vỡ do nhiệt độ thay đổi đột ngột. **D.** Sinh ra hiện tượng động đất, núi lửa.

Câu 13. Các quá trình ngoại lực bao gồm:

- A.** phong hoá, nâng lên, vận chuyển, bồi tụ. **B.** phong hóa, bóc mòn, vận chuyển, bồi tụ.
C. phong hoá, hạ xuống, vận chuyển, bồi tụ. **D.** phong hoá, uốn nếp, vận chuyển, bồi tụ.

Câu 14. Cường độ phong hoá xảy ra mạnh nhất ở nơi có

- A.** các địa hình núi cao và nhiều sông suối. **B.** sự thay đổi lớn nhiệt độ, nước, sinh vật.
C. nhiều đồng bằng rộng và đất đai màu mỡ. **D.** sự biến động của sinh vật và con người.

Câu 15. Phong hoá lí học là

- A.** sự phá huỷ đã thành các khối vụn, làm biến đổi màu sắc, thành phần hoá học.
B. việc giữ nguyên đá, nhưng làm biến đổi màu sắc, thành phần, tính chất hoá học.
C. việc giữ nguyên đá và không làm biến đổi thành phần khoáng vật và hoá học.
D. sự phá huỷ đã thành các khối vụn mà không làm biến đổi thành phần hoá học.

Câu 16. Phong hoá hoá học là

- A.** sự phá huỷ đá thành các khối vụn, làm biến đổi màu sắc, thành phần hoá học.
B. việc giữ nguyên đá, nhưng làm biến đổi màu sắc, thành phần, tính chất hoá học.
C. việc giữ nguyên đá và không làm biến đổi thành phần khoáng vật và hoá học.
D. sự phá huỷ đã thành các khối vụn mà không làm biến đổi thành phần hoá học.

Câu 17. Phong hoá sinh học là

- A.** sự phá huỷ đá thành các khối vụn, làm biến đổi màu sắc, thành phần hoá học.
B. việc giữ nguyên đá, nhưng làm biến đổi màu sắc, thành phần, tính chất hoá học.
C. việc giữ nguyên đá và không làm biến đổi thành phần khoáng vật và hóa học.
D. sự phá huỷ đá thành các khối vụn mà không làm biến đổi thành phần hóa học.

Câu 18. Quá trình phong hoá xảy ra là do tác động của sự thay đổi

- A.** nhiệt độ, nước, sinh vật. **B.** sinh vật, nhiệt độ, đất.
C. đất, nhiệt độ, địa hình. **D.** địa hình, nước, khí hậu.

Câu 19. Phong hoá lí học chủ yếu do

- A.** sự thay đổi của nhiệt độ, sự đóng băng của nước.
B. các hợp chất hoà tan trong nước, khí, axit hữu cơ.
C. tác động của sinh vật như vi khuẩn, nấm, rễ cây.
D. tác động của hoạt động sản xuất và của sinh vật.

Câu 20. Phong hoá hoá học chủ yếu do

- A.** sự thay đổi của nhiệt độ, sự đóng băng của nước.
B. các hợp chất hoà tan trong nước, khí, axit hữu cơ.
C. tác động của sinh vật như vi khuẩn, nấm, rễ cây.
D. tác động của hoạt động sản xuất và của sinh vật.

Câu 21. Phong hoá sinh học chủ yếu do

- A.** sự thay đổi của nhiệt độ, sự đóng băng của nước.
B. các hợp chất hoà tan trong nước, khí, axit hữu cơ.
C. tác động của sinh vật như vi khuẩn, nấm, rễ cây.
D. tác động của hoạt động sản xuất và của sinh vật.

Câu 22. Kết quả của phong hoá lí học là

- A.** đá bị nứt vỡ thành từng tảng nhỏ và mảnh vụn.
B. tính chất hoá học của đá, khoáng vật biến đổi.

C. tạo thành lớp vỏ phong hoá ở bề mặt Trái Đất.

D. đã bị nứt vỡ thành tảng và bị biến đổi màu sắc.

Câu 23. Kết quả của phong hoá hoá học là

A. đá bị nứt vỡ thành từng tảng nhỏ và mảnh vụn.

B. tính chất hoá học của đá, khoáng vật biến đổi.

C. tạo thành lớp vỏ phong hoá ở bề mặt Trái Đất.

D. đá bị nứt vỡ thành tảng và bị biến đổi màu sắc.

Câu 24. Kết quả của phong hoá sinh học là

A. đá bị nứt vỡ thành từng tảng nhỏ và mảnh vụn.

B. tính chất hoá học của đá, khoáng vật biến đổi.

C. tạo thành lớp vỏ phong hoá ở bề mặt Trái Đất.

D. đã bị nứt vỡ thành tảng và bị biến đổi màu sắc.

Câu 25. Châu thổ sông là kết quả trực tiếp của quá trình

A. phong hoá. B. vận chuyển. C. bồi tụ.

D. bóc mòn.

Câu 26. Thung lũng sông là kết quả trực tiếp của quá trình

A. phong hoá. B. vận chuyển. C. bồi tụ.

D. bóc mòn.

Câu 27. Vận chuyển là quá trình

A. chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó.

B. di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác.

C. tích tụ (tích lũy) các vật liệu đã bị phá huỷ.

D. phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu.

Câu 28. Bồi tụ là quá trình

A. chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó.

B. di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác.

C. tích tụ (tích lũy) các vật liệu đã bị phá huỷ.

D. phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu.

Câu 29. Phát biểu nào sau đây đúng với quá trình phong hóa?

A. chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó.

B. di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác.

C. tích tụ (tích lũy) các vật liệu đã bị phá huỷ.

D. phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu.

Câu 30. Các địa hình nào sau đây do dòng chảy thường xuyên tạo nên?

A. Các rãnh nông, khe rãnh xói mòn.

B. Khe rãnh xói mòn, thung lũng sông.

C. Thung lũng sông, thung lũng suối.

D. Thung lũng suối, khe rãnh xói mòn.

Câu 31. Địa hình nào sau đây không phải do gió tạo nên?

A. Hồ trũng thổi mòn.

B. Bề mặt đá rỗ tổ ong.

C. Ngọn đá sót hình nấm.

D. Cao nguyên băng hà.

A. Bậc thêm sóng vô.

B. Bán hoang mạc.

D. Địa hình phi-0.

A. chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó.

B. di chuyển vật liêu từ nơi này đến nơi khác.

C. tích tụ (tích lũy) các vật liệu đã bị phá hủy.

D. phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu.

A. Hàm ếch sóng vô, bậc thêm sóng vô.

B. Bức thêm sóng vô, cao nguyên bằng.

C. Cao nguyên bằng, khe rãnh xói mòn.

D. Khe rãnh xói mòn, hàm ếch sóng vỗ.

A. phong hoá. **B.** vận chuyển. **C.** bồi tụ.

D. boc mòn.

A. phong hoá. **B.** vận chuyển. **C.** bồi tu.

D. boc mòn.

A. phong hoá. **B.** vận chuyển. **C.** bồi tu.

D. bóc mòn.

A. mài mòn. **B.** băng tích. **C.** bồi tụ.

D. thời mòn.

A. mài mòn. **B.** băng tích. **C.** bồi tụ.

D. thối mòn.

A. mài mòn. **B.** băng tích. **C.** bồi tụ.

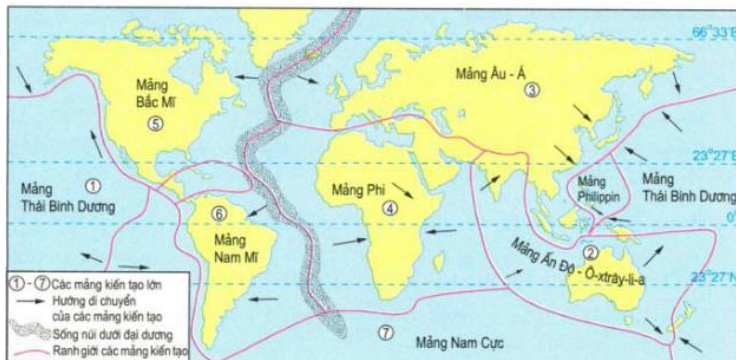
D. thôi mòn.

[illegible]

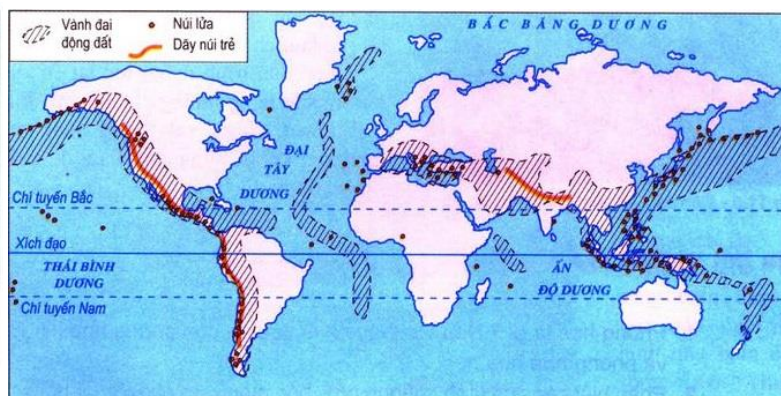
Bài 10 | Thực hành



NHẬN XÉT VỀ SỰ PHÂN BỐ CÁC VÀNH ĐAI ĐỘNG ĐẤT, NÚI LỬA VÀ CÁC VÙNG NÚI TRẺ TRÊN BẢN ĐỒ



Các mảng kiến tạo lớn trên Trái Đất



Các vành đai động đất và núi lửa trên Trái Đất

1. Xác định các vành đai động đất, núi lửa; các vùng núi trẻ trên bản đồ

Đối tượng	Tên và phân bố
Vành đai động đất	
Vành đai núi lửa	
Vùng núi trẻ	

2. Nêu nhận xét và trình bày mối liên quan giữa sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa, các vùng núi trẻ với các mảng kiến tạo của thạch quyển

- Sự phân bố của động đất, núi lửa và các vùng núi trẻ phân bố trùng với ranh giới của các mảng kiến tạo.
- Tuy nhiên tùy theo cấu tạo, vị trí tiếp xúc và sự dịch chuyển của các mảng mà có thể tạo thành các vành đai núi lửa, động đất hay các vùng núi trẻ.